

Cải cách tài chính công của Việt Nam đến năm 2020 và vai trò của hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ (GFMIS)

Viện Chiến lược và Chính sách tài chính
Bộ Tài chính

1. Định hướng cải cách tài chính công của Việt Nam đến năm 2020

Trong những năm qua, quản lý tài chính công ở Việt Nam đã từng bước được cải cách và đổi mới trên nhiều phương diện. Để tiếp tục thực hiện những mục tiêu, định hướng phát triển tài chính xác định trong các Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung và dài hạn của đất nước (như Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và các Đề án liên quan đến việc cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng¹), Chiến lược tài chính đến năm 2020 đã được Bộ Tài chính xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (theo Quyết định số 450/QĐ - TTg ngày 18/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ). Chiến lược này đã đề ra các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đối với sự phát triển của ngành Tài chính Việt Nam theo lộ trình 10 năm.

Mục tiêu xuyên suốt xác định trong Chiến lược tài chính đến năm 2020 là từng bước xây dựng nền tài chính quốc gia lành mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh tài chính, ổn định kinh tế vĩ mô, tài chính - tiền tệ, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và tái cấu trúc nền kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội; huy động, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính trong xã hội hiệu quả, công bằng; cải cách hành chính đồng bộ, toàn diện; đảm bảo tính hiệu quả và hiệu lực của công tác quản lý, giám sát tài chính. Để thực hiện mục tiêu tổng thể này, Chiến lược tài chính đến năm 2020 đã đề ra 8 nhóm giải pháp, trong đó, liên quan đến lĩnh vực quản lý tài chính công sẽ tập trung vào 6 trụ cột chủ đạo sau²:

[1] Nâng cao hiệu quả huy động nguồn lực tài chính quốc gia với các nhiệm vụ trọng tâm là: Hoàn thiện thể chế tài chính, tạo lập môi trường thuận

¹ Phê duyệt tại Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

² Hai trụ cột khác được xác định trong Chiến lược tài chính đến năm 2020 là: i) Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính và ii) Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính.

lợi nhằm thu hút hiệu quả, kịp thời các nguồn tài chính trong và ngoài nước cho các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội; động viên hợp lý các nguồn thu NSNN trên cơ sở tiếp tục thực hiện cải cách hệ thống thuế, phí, các khoản thu NSNN phù hợp với quá trình chuyển đổi của nền kinh tế và thông lệ quốc tế; thực hiện đa dạng hoá các nguồn đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở, phát triển dịch vụ công;

[2] Nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia, trong đó, tập trung vào các nội dung như: tăng cường vai trò định hướng của nguồn lực tài chính nhà nước trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tái cấu trúc đầu tư công; đổi mới cơ chế phân cấp quản lý NSNN, hoạt động lập và phân bổ dự toán NSNN; từng bước hoàn thiện khung pháp lý để xây dựng Kế hoạch ngân sách trung hạn, Kế hoạch đầu tư trung hạn;

[3] Đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công cùng với đa dạng hóa nguồn lực xã hội phát triển dịch vụ công theo hướng: tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong quản lý, sử dụng nguồn lực; đổi mới cơ chế giá dịch vụ sự nghiệp công lập; hoàn thiện cơ chế chính sách tài chính để thu hút các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển sự nghiệp công;

[4] Hoàn thiện chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp và thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước với hai nhiệm vụ trọng tâm là: tiếp tục đổi mới chính sách, cơ chế tài chính doanh nghiệp theo hướng bình đẳng, ổn định, minh bạch nhằm giải phóng, phát triển sức sản xuất của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; đẩy mạnh quá trình đổi mới và cơ cấu lại khu vực doanh nghiệp, các tổng công ty Nhà nước;

[5] Nâng cao năng lực, hiệu quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, trong đó, tập trung vào các định hướng là: tăng cường nâng cao kỷ luật tài chính, đẩy mạnh công khai tài chính; tăng cường sự giám sát của cộng đồng và người dân đối với quá trình huy động, sử dụng nguồn lực công; nâng cao hiệu quả giám sát, quản lý rủi ro và bảo đảm an toàn nợ công, nợ quốc gia; tăng cường vai trò, chức năng giám sát của Nhà nước đối với thị trường tài chính và dịch vụ tài chính; đổi mới phương thức và cách thức giám sát tài chính vĩ mô;

[6] Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, hoàn thiện phương thức điều hành chính sách tài chính trên cơ sở tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài chính và thực hiện hiện đại hóa nền tài chính quốc gia với trọng tâm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT).

Đặc biệt, để thực hiện có kết quả những mục tiêu, nhiệm vụ xác định

trong Chiến lược tài chính đến năm 2020, ngành Tài chính đã xác định ba khâu đột phá. Đó là: (i) Đẩy mạnh việc hoàn thiện thể chế tài chính theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (ii) Thực hiện tái cơ cấu nền tài chính quốc gia; (iii) Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với hiện đại hóa công nghệ quản lý, đặc biệt là CNTT.

Với các định hướng nói trên có thể thấy vai trò của CNTT trong quá trình cải cách tài chính ở Việt Nam đã rất được chú trọng và định vị cụ thể. Chiến lược tài chính đến năm 2020 đã đề ra các định hướng về tăng cường ứng dụng CNTT trong lĩnh vực tài chính như: tiếp tục xây dựng và triển khai các hệ thống CNTT lớn; thực hiện tích hợp và đồng bộ các hệ thống công nghệ thông tin hiện có; xây dựng cơ sở dữ liệu tài chính quốc gia, củng cố các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường hiệu quả khai thác các hệ thống CNTT trong chỉ đạo điều hành cũng như trong quá trình dự báo kinh tế - tài chính, phân tích tác động chính sách; và tiến hành xây dựng Hệ thống thông tin quản lý tài chính chính phủ (GFMIS)³.

2. Vai trò của Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ trong thực hiện cải cách tài chính công đến năm 2020

Trong thời gian qua, cùng với quá trình đổi mới và cải cách về thể chế, quá trình hiện đại hóa quản lý tài chính công gắn với ứng dụng CNTT ở Việt Nam đã được tăng cường trên nhiều phương diện. Nhiều dự án CNTT quan trọng đã xây dựng và triển khai có hiệu quả như Hệ thống thông tin Quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS); Hệ thống thông tin quản lý nợ (DMFAS); Hệ thống quản lý thuế tập trung; Hệ thống thông quan tự động và Cơ chế một cửa quốc gia (VNACCS/VCIS); các hệ thống ứng dụng CNTT trong quản lý tài sản công; quản lý thị trường chứng khoán....Việc triển khai các dự án ứng dụng CNTT này đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý tài chính - ngân sách, thúc đẩy cải cách hành chính, giảm chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính cho của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức liên quan. Thông qua ứng dụng CNTT, công khai, minh bạch về tài chính - ngân sách cũng từng bước được cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thúc đẩy trách nhiệm giải trình. Đồng thời, việc triển khai các dự án ứng dụng CNTT thời gian qua còn tạo ra các cơ hội để thực hiện cải cách quản lý tài chính công.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được nói trên chỉ là bước đầu. Việc ứng dụng CNTT trong ngành tài chính vẫn còn những điểm hạn chế. Ứng dụng

³ Kế hoạch hành động trung hạn 2014-2016 để thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020 đã đề ra các định hướng và lộ trình cụ thể về triển khai Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ (theo Quyết định số 304/QĐ-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

CNTT trong ngành tài chính cần tiếp tục được đẩy mạnh để bao quát được các yêu cầu đặt ra trong quá trình cải cách, hiện đại hóa công tác quản lý tài chính công của Việt Nam thời gian tới. Những vấn đề đang đặt ra là: **i)** Tính liên kết, tích hợp trong các hệ thống thông tin toàn ngành chưa cao nên chưa phát huy hết vai trò của CNTT trong việc thực hiện các giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực tài chính công; **ii)** Hệ thống cơ sở dữ liệu tài chính còn phân tán; chưa hình thành được một hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung để đáp ứng có hiệu quả các yêu cầu về số liệu, thông tin cho quá trình quản lý, điều hành cũng như cho công tác phân tích, dự báo, đánh giá tác động chính sách; **iii)** Vai trò hỗ trợ của CNTT đối với yêu cầu tăng cường công khai, minh bạch và thúc đẩy trách nhiệm giải trình trên một số phương diện vẫn còn hạn chế (ví dụ như về hình thức, phạm vi và thời điểm công khai các số liệu về tài chính, ngân sách...).

Để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính công, việc ứng dụng CNTT trong ngành tài chính cần phải tiếp tục đẩy mạnh trên nhiều phương diện, trong đó có việc xây dựng và áp dụng Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ (GFMIS) như thông lệ của nhiều nước trên thế giới. Yêu cầu đặt ra đối với việc tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính công ở Việt Nam thời gian tới là một mặt phải xử lý cho được những hạn chế nói trên, một mặt chủ động đáp ứng được các yêu cầu mới đặt ra trong tiến trình cải cách nền tài chính công, qua đó phát huy tối đa hiệu quả của CNTT trong công tác quản lý, điều hành nền tài chính quốc gia, phù hợp với xu hướng về cải cách tài chính công và ứng dụng CNTT trên thế giới⁴. Cụ thể, việc xây dựng và triển khai GFMIS⁵ ở Việt Nam cần hướng tới việc phát huy được vai trò của Hệ thống này trên các khía cạnh sau:

- Đáp ứng được các yêu cầu đặt ra trong quá trình cải cách thể chế tài chính công theo các định hướng xác định trong Chiến lược tài chính đến năm 2020 và các Chiến lược ngành có liên quan⁶, bao gồm quá

⁴ Xem: “Tài liệu Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2014-2016 triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020”.

⁵ Hiện nay, chưa có một định nghĩa chuẩn về Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ. Diamond và Khemani (2005) định nghĩa GFMIS là quá trình tin học hóa các quy trình quản lý tài chính công với sự hỗ trợ của một hệ thống được tích hợp toàn bộ (fully integrated) cho việc quản lý tài chính của các bộ, ngành và các đơn vị chi tiêu ngân sách.

⁶ 09 Chiến lược ngành bao gồm: (1) Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 (Quyết định 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011); (2) Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020 (Quyết định 448/QĐ-TTg ngày 25/3/2011); (3) Chiến lược phát triển Kho bạc nhà nước đến năm 2020 (Quyết định 138/2007/QĐ-TTg ngày 21/8/2007); (4) Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định 958/QĐ-TTg ngày 27/7/2012); (5) Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (Quyết định 193/QĐ-TTg ngày 15/02/2012); (6) Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (Quyết định 252/QĐ-TTg ngày 01/3/2012); (7) Chiến lược phát triển thị trường vốn Việt Nam (Quyết định 128/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007); (8) Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Quyết định 139/2007/QĐ-TTg ngày

trình hiện đại hóa quy trình ngân sách; tổ chức thực hiện kế hoạch ngân sách trung hạn; đổi mới phương thức quản lý NSNN, hướng tới việc quản lý ngân sách dựa trên kết quả hoạt động; xây dựng Hệ thống Tổng kế toán nhà nước; cải cách hành chính trong các lĩnh vực như thuế, hải quan, quản lý ngân quỹ...;

- Góp phần tăng cường công khai, minh bạch tài khóa theo các chuẩn mực quốc tế được thừa nhận chung (phạm vi thông tin công khai, tính toàn diện của thông tin công khai và hình thức công khai, đảm bảo tính kịp thời, dễ hiểu, dễ so sánh...); đồng thời, góp phần thúc đẩy thực hiện trách nhiệm giải trình, đảm bảo kiểm soát các chỉ số tài khóa trong giới hạn an toàn; đảm bảo việc phân bổ nguồn lực được thực hiện theo các mục tiêu ưu tiên và sự hiệu quả trong sử dụng nguồn lực công⁷;
- Khắc phục được sự phân tán về nguồn dữ liệu⁸; từng bước hình thành kho dữ liệu tập trung, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu về dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý điều hành cũng như những đòi hỏi về dữ liệu đặt ra trong công tác dự báo, xây dựng chính sách (phân tích tác động chính sách).
- Góp phần đảm bảo được tính kết nối, tích hợp giữa các hệ thống CNTT chuyên ngành trong lĩnh vực tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong toàn bộ quy trình quản lý tài chính công (lập kế hoạch, thực hiện, kế toán, báo cáo, giám sát...); đảm bảo việc cung cấp thông tin tài chính, ngân sách đầy đủ và toàn diện.

23/8/2007); (9) Chiến lược Kế toán – kiểm toán đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định 480/QĐ-TTg ngày 18/3/2013).

⁷ Sự ra đời của Luật NSNN 2002 đã đánh dấu một bước cải cách quan trọng trong đổi mới công tác quản lý NSNN của Việt Nam, công khai ngân sách, nâng cao trách nhiệm giải trình đã có sự chuyển biến đáng kể. Tuy nhiên, so với nhiều nước, đến nay Việt Nam vẫn thuộc nhóm có mức độ công khai thấp. Theo Chương trình hợp tác về ngân sách quốc tế (IBP), năm 2012, chỉ số công khai ngân sách của Việt Nam được 19 điểm trên 100 điểm, trong khi Indonesia đạt 62 điểm, Philippines đạt 50 điểm và Thái Lan đạt 36 điểm. Nội dung công khai ngân sách mới chỉ dừng lại ở công khai dự toán, quyết toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng NSNN mà chưa yêu cầu công khai quá trình thực hiện ngân sách trong năm; các thông tin công khai ngân sách chủ yếu là số liệu tổng hợp, ít có sự so sánh, đánh giá về kết quả, hiệu quả huy động và sử dụng ngân sách. Bên cạnh đó, trách nhiệm giải trình dự toán, thực hiện phân bổ và quyết toán ngân sách chủ yếu chỉ tập trung vào cơ quan tổng hợp các cấp (chủ yếu là cơ quan tài chính), chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm giải trình của chủ thể được giao dự toán.

⁸ Hiện nay, hệ thống cơ sở dữ liệu tài chính trong một số nội dung còn phân tán, phạm vi các dự án công nghệ thông tin mới dừng lại ở việc đáp ứng các yêu cầu độc lập của từng ngành, lĩnh vực, tính liên kết, đồng bộ còn hạn chế.

3. Cải cách tài chính công và yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ

Hiện nay, Hệ thống thông tin quản lý tài chính Chính phủ (GFMIS) đã được xây dựng và tổ chức thực hiện ở nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm cả những nước phát triển và những nước đang phát triển. GFMIS được triển khai với kỳ vọng sẽ góp phần tăng cường kết nối giữa nghiệp vụ tài chính và CNTT, giúp gia tăng hiệu quả ứng dụng CNTT trong lĩnh vực quản lý tài chính công. Đặc biệt, xây dựng và triển khai GFMIS sẽ góp phần tối ưu hóa việc quản lý thông tin, chia sẻ hạ tầng ứng dụng và dữ liệu; tạo điều kiện xây dựng kho dữ liệu tài chính quốc gia, thực hiện việc tích hợp dữ liệu giữa các hệ thống CNTT ngành.

Tuy nhiên, kinh nghiệm của một số nước trên thế giới cũng cho thấy GFMIS không thuần túy là vấn đề riêng của CNTT mà còn có sự quan hệ mật thiết với quá trình hoàn thiện các thể chế có liên quan. Việc xây dựng và triển khai GFMIS là vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải xác định được mô hình và lộ trình thực hiện phù hợp. Đối với Việt Nam, để có thể hỗ trợ có hiệu quả các mục tiêu và các định hướng đặt ra trong quá trình cải cách tài chính công theo 6 trụ cột nói trên, quá trình xây dựng và triển khai GFMIS cần được thực hiện trên cơ sở một số phương hướng sau:

[1] Đảm bảo tính đồng bộ giữa quá trình hoàn thiện thể chế quản lý tài chính công với các yêu cầu đặt ra trong quá trình xây dựng GFMIS

Để xây dựng một nền tài chính công hiện đại, bên cạnh việc nâng cao hiệu quả của ứng dụng CNTT còn đòi hỏi phải có sự hiện diện của một thể chế quản lý tài chính công phù hợp. Ứng dụng CNTT sẽ rất khó mang lại hiệu quả cao nếu như khuôn khổ thể chế thường xuyên thay đổi và sự thay đổi này không được thực hiện theo một lộ trình xác định trước. Để xây dựng và ứng dụng hiệu quả các hệ thống với phạm vi bao phủ rộng như GFMIS, quá trình cải cách về thể chế quản lý tài chính công phải được thực hiện theo một lộ trình và theo một định hướng rõ ràng để làm cơ sở cho việc hình thành các hệ thống ứng dụng CNTT phù hợp.

Đối với Việt Nam, thời gian qua cùng với quá trình chuyển đổi, tăng cường hội nhập của nền kinh tế, thể chế quản lý tài chính công đã từng bước được hoàn thiện và đổi mới trên nhiều phương diện. Chiến lược tài chính đến năm 2020 cũng như các chiến lược phát triển ngành (thuế, hải quan, kho bạc, quản lý nợ...) đã đề ra được những định hướng và lộ trình cải cách cho nền tài chính công Việt Nam trong thời gian tới. Đây có thể xem là nhân tố thuận lợi cho việc xây dựng và triển khai GFMIS nói riêng cũng như các hệ thống ứng

dụng CNTT khác nói chung trong ngành tài chính. Thực tế trong 3 năm qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật và chính sách liên quan đã được Bộ Tài chính xây dựng ban hành và trình cấp có thẩm quyền ban hành trên cơ sở gắn với các định hướng này, trong đó yêu cầu về đẩy mạnh ứng dụng CNTT cũng đã đặc biệt được chú trọng (như trong lĩnh vực quản lý thuế, quản lý hải quan, quản lý ngân quỹ...).

[2] Việc xây dựng và triển khai GFMS phải hướng tới hỗ trợ có kết quả yêu cầu tăng cường hiệu quả huy động, sử dụng nguồn lực tài chính công; nâng cao hiệu quả giám sát vĩ mô, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia

Tăng cường hiệu quả huy động, sử dụng nguồn lực công đã được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Chiến lược tài chính đến năm 2020. Để thực hiện được nhiệm vụ này, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh quá trình cải cách các thể chế có liên quan cần đồng thời tăng cường vai trò của CNTT trong các quy trình quản lý, đặc biệt là trong việc xây dựng và triển khai các phương thức quản lý tài chính công hiện đại được nhiều nước trên thế giới áp dụng, ví dụ như Khuôn khổ ngân sách trung hạn, quản lý ngân sách dựa trên kết quả hoạt động; quản lý rủi ro nợ công hay việc thực hiện mô hình Tổng kế toán nhà nước.

Hiệu quả giám sát nền tài chính quốc gia không những chỉ phụ thuộc vào các chỉ tiêu, công cụ giám sát mà còn phụ thuộc vào tính minh bạch, công khai của các thông tin tài chính, ngân sách. Theo đó, để hỗ trợ cho quá trình giám sát nền tài chính quốc gia một cách hiệu quả ngoài việc đổi mới phương thức giám sát cũng đòi hỏi phải có những ứng dụng CNTT phù hợp. Các thông tin tài chính, ngân sách được cung cấp phải đảm bảo tính đầy đủ, tính kịp thời, tính toàn diện, có thể so sánh. Việc xây dựng và triển khai GFMS phải hướng tới yêu cầu thúc đẩy sự hợp tác, trao đổi thông tin giữa các cơ quan giám sát; từng bước củng cố hệ thống thông tin dữ liệu dùng chung.

[3] Quá trình xây dựng và triển khai GFMS phải hướng tới việc tăng cường công khai, minh bạch và thúc đẩy trách nhiệm giải trình của các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn lực công

Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới đã cho thấy đảm bảo minh bạch về thông tin tài chính và trách nhiệm giải trình có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả của quản lý tài chính công. Thực hiện công khai, minh bạch sẽ tạo điều kiện cho công tác giám sát của các cơ quan chính phủ, các tổ chức xã hội và cộng đồng nhân dân đối với việc phân bổ và chi tiêu các nguồn lực công của quốc gia. Tăng cường công khai, minh bạch cũng là cơ sở quan trọng để thúc đẩy trách nhiệm giải trình. Có minh bạch thì mới xác định rõ được trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong lập dự toán, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính công.

Đối với Việt Nam, để thúc đẩy minh bạch và trách nhiệm giải trình, việc xây dựng và triển khai GFMIS cần hướng tới việc chuẩn hóa thông tin thông qua xây dựng và thực hiện các chuẩn mực báo cáo, về cấu trúc thông tin trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị và địa phương; đảm bảo được tính kết nối, tích hợp được các dòng dữ liệu tài chính, hình thành cho được một kho dữ liệu tài chính tập trung cho phép cung cấp các thông tin tài chính của Chính phủ theo các chuẩn mực quốc tế. Đồng thời, việc thực hiện GFMIS phải góp phần mở rộng được đối tượng người dùng, đối tượng tiếp cận thông tin cho các bộ, ngành, địa phương và các đơn vị sử dụng ngân sách, người dân và doanh nghiệp. Qua đó, tạo điều kiện tốt hơn cho sự tham gia của cộng đồng trong quá trình giám sát việc sử dụng nguồn lực công; hỗ trợ có hiệu quả hơn cho các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình ra quyết định.

[4] Đảm bảo việc xây dựng và triển khai GFMIS có sự kết gắn chặt chẽ với các mục tiêu, yêu cầu về đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính

Đẩy mạnh cải cách hành chính gắn liền với hiện đại hóa công nghệ quản lý đã được xác định là một trong ba khâu đột phá trong tổ chức thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020. Ứng dụng CNTT và cải cách hành chính có mối quan hệ mật thiết. Ứng dụng CNTT vào quản lý tài chính công vừa là biện pháp vừa là mục tiêu quan trọng của cải cách hành chính. Cải cách hành chính cũng có mối liên hệ chặt chẽ với đổi mới thể chế quản lý tài chính công. Theo đó, để đẩy mạnh cải cách hành chính, cùng với việc đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thủ tục hành chính; đơn giản hoá và công khai hoá qui trình, thủ tục thì cần đồng thời phải đẩy mạnh ứng dụng các hệ thống CNTT mới, trong đó có Hệ thống GFMIS. GFMIS phải hỗ trợ cho quá trình thực hiện tích hợp, đồng bộ các hệ thống CNTT chuyên ngành hiện có, đảm bảo tính đồng bộ với quá trình cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính, đặc biệt trong các lĩnh vực có phạm vi ảnh hưởng rộng như thuế, hải quan, quản lý kho bạc...

[5] Đảm bảo việc xây dựng và triển khai GFMIS có thể bao quát được những thay đổi trong tương lai về thể chế quản lý tài chính công

Cải cách quản lý tài chính công là quá trình lâu dài, phức tạp. Đối với nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi như Việt Nam, việc đổi mới thể chế quản lý tài chính công đòi hỏi phải được thực hiện theo lộ trình, phù hợp với sự thay đổi về bối cảnh kinh tế - xã hội trong và ngoài nước. Để có thể hỗ trợ có hiệu quả cho quá trình này, việc xây dựng các hệ thống ứng dụng CNTT, trong đó có GFMIS cần tính đến các định hướng về cải cách thể chế quản lý tài chính công dự kiến thực hiện. Theo đó, phải có sự kết gắn chặt chẽ

giữa xây dựng và triển khai GFMIS với quá trình hoàn thiện thể chế quản lý tài chính công như trình bày ở trên.

[5] Đảm bảo sự phối hợp có hiệu quả, chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương; coi trọng tính đồng bộ giữa GFMIS và các hệ thống ứng dụng CNTT chuyên ngành

Việc xây dựng và triển khai GFMIS là công việc khó khăn, phức tạp, có phạm vi ảnh hưởng lớn. Vì vậy, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, sự đồng thuận giữa các cơ quan có liên quan. Kinh nghiệm triển khai GFMIS của nhiều nước trên thế giới cho thấy để có thể xây dựng và thực hiện GFMIS thành công thì sự tham gia của các chủ thể có liên quan là rất quan trọng, đặc biệt là trong việc chuẩn hóa các ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý tài chính, kế toán tại các Bộ, ngành, địa phương, đảm bảo GFMIS được thiết lập phù hợp với nhu cầu và định hướng chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan.

Ở Việt Nam, Đề án xây dựng GFMIS được tiến hành song song với quá trình hiện đại hóa và tăng cường ứng dụng CNTT trong nhiều lĩnh vực chuyên ngành (thuế, hải quan, kho bạc, nợ, tài sản công, dự trữ nhà nước...). Vì thế, việc xây dựng và triển khai GFMIS một mặt phải đảm bảo tích hợp, đồng bộ với các hệ thống hiện có, mặt khác cũng đồng thời đảm bảo việc triển khai các đề án ứng dụng CNTT chuyên ngành trong tương lai cũng có sự đồng bộ với lộ trình thực hiện GFMIS, qua đó đảm bảo các Đề án này có thể kết nối và tích hợp với cơ sở dữ liệu GFMIS (ví dụ, Đề án Tổng kế toán Nhà nước;...).

Tóm lại, ứng dụng CNTT của ngành Tài chính trong giai đoạn tới sẽ tập trung vào việc xây dựng các hệ thống lớn, xử lý dữ liệu tập trung, sử dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, trong đó có GFMIS. Để xây dựng và triển khai GFMIS thành công đòi hỏi cần phải có sự hiện diện của nhiều nhân tố. Nhằm hỗ trợ hiệu quả quá trình cải cách quản lý tài chính công thời gian tới, quá trình xây dựng và triển khai GFMIS cần phải được gắn với các yêu cầu sau: đảm bảo tính đồng bộ với quá trình hoàn thiện thể chế quản lý tài chính công; hỗ trợ có kết quả yêu cầu về tăng cường hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính công; tăng cường hiệu quả giám sát vĩ mô, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia; góp phần tăng cường công khai, minh bạch và thúc đẩy trách nhiệm giải trình; đảm bảo có thể bao quát được những thay đổi trong tương lai về thể chế quản lý tài chính công; coi trọng tính đồng bộ giữa GFMIS và các hệ thống ứng dụng CNTT chuyên ngành.

Tài liệu tham khảo:

1. Dự án 50739-CFBA (2011a). Báo cáo nghiên cứu: “*Minh bạch tài khóa và trách nhiệm giải trình: Hướng tới việc sửa đổi Luật NSNN 2002*”.
2. Viện CL&CSTC (2013). “*Bộ Chiến lược tài chính Việt Nam*”, Nhà xuất bản tài chính, tháng 9/2013;
3. Viện CL&CSTC (2013). “*Tài liệu Kế hoạch hành động trung hạn giai đoạn 2014-2016 triển khai thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2020*”. Nhà xuất bản tài chính, tháng 4/2014;
4. Cem Dener (2014). “*Hệ thống tin quản lý tài chính (FMIS): Thiết kế, thách thức và xu hướng thế giới*”. Bài thuyết trình tại Bộ Tài chính tháng 4/2014;
5. Diamond, J & Khemani, P (2005). “*Introducing Financial Management Information Systems in Developing Countries*”. IMF Working Paper 05/196.
6. Khan A & Pessoa (2010). “*Conceptual Design: A Critical Element of a Government Financial Management Information System Project*”. IMF 2010.
7. IBP (2013). “*Open Budget Index highlights*”. (www.openbudgetindex.org);